

Số: 88 /QĐ-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp Trung cấp hệ chính quy
cho sinh viên các khóa xét lại tốt nghiệp tháng 02/2025**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3551/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân Thành phố trong công tác quản lý các Trường Cao đẳng công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 35/QĐ-LTT-TC ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường;

Căn cứ Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 573/QĐ-LTT-ĐT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 754/QĐ-LTT-ĐT ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định quy định về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 696/QĐ-LTT-ĐT ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về Thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp cho sinh viên trình độ Trung cấp, Cao đẳng năm học 2024 -2025;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng xét tốt nghiệp Trung cấp cho sinh viên các khóa năm học 2024 -2025 ngày 28 tháng 02 năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh - Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp Trung cấp hệ chính quy cho **140** sinh viên các khóa cũ xét lại tốt nghiệp (*danh sách đính kèm*).

Điều 2. Sinh viên có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, TS-ĐT (Thư 2b).

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Đinh Văn Đệ

DANH SÁCH SINH VIÊN CÁC KHÓA
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP
ĐỢT XÉT THÁNG 02/2025

*(Kèm theo Quyết định số 88 /QĐ-LTT-ĐT ngày 28 tháng 02 năm 2025
của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)*

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC TL hệ 10	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
										Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2	
1	18000396	Phạm Lê	Minh	Nam	24/11/2003	18T4-CNÔ2	6,34		Trung bình	X	A	Đi NVQS
2	19003273	Nguyễn Lê Tấn	Tài	Nam	16/10/2000	19T2-ĐCN1	5,67		Trung bình	X	TOEIC 350	Đi NVQS
3	19000271	Nguyễn Thế	Vinh	Nam	20/10/2004	19T4-ANM1	6,25		Trung bình			
4	19001575	Trang Hỷ	Quân	Nam	24/12/2004	19T4-CĐT1	5,92		Trung bình		TOEIC 300	
5	19000847	Phạm Ngọc	Long	Nam	12/09/2004	19T4-CMT1	6,06		Trung bình		A	
6	19000491	Trương Gia	Bảo	Nam	10/09/2004	19T4-CNÔ3	6,57		Trung bình			
7	19000839	Trần Thành	Nam	Nam	27/03/2004	19T4-CNÔ4	7,11		Khá			
8	19001107	Lê Nhựt	Bảo	Nam	21/03/2004	19T4-CNÔ5	6,07		Trung bình	X	B	
9	19001280	Trần Thịnh	Phát	Nam	21/12/2003	19T4-CNÔ5	6,90		Trung bình	X		
10	19000770	Hồ Minh	Hung	Nam	21/04/2003	19T4-ĐCN1	5,79		Trung bình			
11	19001580	Trần Anh	Khoa	Nam	04/07/2004	19T4-ĐĐT1	6,19		Trung bình	X	TOEIC 350	
12	19004354	Trương Thị	Hoài	Nữ	17/10/2002	19T4-KTD2	8,00		Khá	X	B	Sinh viên bị hạ bậc tốt nghiệp (Thi lại môn Tiếng anh 2; Học lại môn Kỹ năng mềm)
13	19001558	Trần Ngọc Minh	Nhi	Nữ	12/10/2004	19T4-NNA3	6,74		Trung bình		Tiếng Trung	
14	19000544	Nguyễn Thành	Nhân	Nam	10/10/2004	19T4-QTM1	6,21		Trung bình			
15	19004472	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	28/10/2003	19T4-THU1	6,06		Trung bình		TOEIC 300	
16	19001224	Trần Việt	Anh	Nam	22/01/2004	19T4-TKĐ1	6,87		Trung bình		TOEIC 350	
17	19000317	Ngô Gia	Kiệt	Nam	03/01/2004	19T4-TKĐ1	6,89		Trung bình		TOEIC 350	
18	19001327	Nguyễn Viêt Ngọc	Vỹ	Nam	05/11/2004	19T4-TKĐ2	6,09		Trung bình			
19	19000067	Trịnh Đức	Anh	Nam	26/02/2004	19T4-TKW1	6,10		Trung bình			
20	19001379	Lâm Thành	Đăng	Nam	23/09/2004	19T4-TKW1	6,21		Trung bình		TOEIC 350	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC TL hệ 10	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
										Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2	
21	20000113	Phạm Ngọc Tấn	Nghĩa	Nam	30/01/2005	20T4-ANM1	6,44		Trung bình			
22	20001473	Nguyễn Minh	Kiệt	Nam	14/11/2005	20T4-CCK1	6,27		Trung bình		TOEIC 300	
23	20001910	Nguyễn Văn	Thọ	Nam	26/03/2005	20T4-CĐT1	6,86		Trung bình		TOEIC 300	
24	20002561	Nguyễn Đức	Phát	Nam	30/03/2005	20T4-CKC1	7,02		Khá			
25	20000004	Huỳnh Quốc	Phú	Nam	31/03/2001	20T4-CKC1	6,32		Trung bình		TOEIC 300	
26	20002466	Trần Minh	Hải	Nam	08/01/2005	20T4-CKL1	6,27		Trung bình	X	TOEIC 300	
27	20002339	Tăng Vỹ	Hào	Nam	09/11/2005	20T4-CKL1	6,06		Trung bình		TOEIC 300	
28	20001641	Phùng Ngọc Xuân	Lan	Nữ	20/08/2004	20T4-CNM1	7,03		Khá			
29	20001884	Võ Thị Trường	Vy	Nữ	02/09/2005	20T4-CNM1	7,17		Khá		TOEIC 350	
30	20007973	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	23/07/2005	20T4-CNÔ1	5,68		Trung bình			
31	20000089	Nguyễn Võ Phước	Sang	Nam	18/08/2005	20T4-CNÔ1	6,17		Trung bình	X		
32	20000147	Chu Nguyễn Quang	Trung	Nam	30/07/2005	20T4-CNÔ1	6,87		Trung bình	X		
33	20000420	Nguyễn Đắc	Đạt	Nam	08/10/2005	20T4-CNÔ2	5,76		Trung bình			
34	20000320	Nguyễn Phong	Minh	Nam	30/11/2005	20T4-CNÔ2	6,11		Trung bình			
35	20000372	Ngô Minh	Quân	Nam	25/10/2005	20T4-CNÔ2	6,64		Trung bình		TOEIC 350	
36	20000454	Huỳnh Đức	Trọng	Nam	13/04/2005	20T4-CNÔ2	6,27		Trung bình			
37	20000768	Lê Đình Minh	Tú	Nam	06/12/2005	20T4-CNÔ3	5,99		Trung bình		TOEIC 350	
38	20001549	Lê Hồng	Anh	Nam	27/03/2005	20T4-CNÔ5	6,28		Trung bình			
39	20001697	Lê Anh	Đức	Nam	04/10/2005	20T4-ĐCN1	6,50		Trung bình			
40	20001329	Phạm Minh	Tú	Nam	03/11/2005	20T4-ĐCN1	6,68		Trung bình			
41	20001885	Nguyễn Trần Trí	Nhân	Nam	12/04/2005	20T4-ĐĐT1	6,79		Trung bình			
42	20000594	Nguyễn Dương Gia	Khang	Nam	12/10/2005	20T4-KLB1	6,07		Trung bình			
43	20001796	Nguyễn Ngọc Minh	Tâm	Nữ	19/05/2005	20T4-KLB1	6,12		Trung bình			
44	20000347	Trần Lê	Phú	Nam	19/04/2005	20T4-KML1	6,69		Trung bình			
45	20005832	Trần Thái	Sơn	Nam	10/03/2004	20T4-KML1	6,52		Trung bình	X	TOEIC 350	
46	20005530	Nguyễn Việt	Thiên	Nam	03/07/1999	20T4-KTD1	7,00		Khá			

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC TL hệ 10	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
										Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2	
47	20004635	Huỳnh Quốc	Dương	Nam	06/09/2002	20T4-KXD1	6,85		Trung bình		TOEIC 350	
48	20000123	Đặng Hoàng	Long	Nam	13/10/2005	20T4-KXD1	6,83		Trung bình			
49	20001807	Trần Quang	Vinh	Nam	26/01/2005	20T4-KXD1	6,20		Trung bình		TOEIC 300	
50	20002675	Trần Mạnh	Tài	Nam	05/11/2004	20T4-LTM2	6,26		Trung bình		TOEIC 350	
51	20005706	Lê Mỹ	Duyên	Nữ	12/11/2004	20T4-NNA2	8,06		Giỏi	X		
52	20002132	Nguyễn Trương Anh	Kiệt	Nam	25/10/2005	20T4-NNA2	6,40		Trung bình	X		
53	20002428	Quách Cát	Tường	Nữ	20/07/2005	20T4-NNA2	7,63		Khá	X		
54	20002714	Nguyễn Lê	Trung	Nam	22/04/2005	20T4-QTM2	6,49		Trung bình			
55	20000911	Lê Đăng	Khoa	Nam	03/08/2005	20T4-TĐH1	6,97		Trung bình	X	B	
56	20004837	Trương Triệu	Thành	Nam	02/11/2003	20T4-TĐH1	6,52		Trung bình	X	TOEIC 350	
57	20001465	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	Nữ	02/11/2005	20T4-THU1	6,29		Trung bình			
58	20000391	Nguyễn Ngọc Duy	Quang	Nam	12/10/2004	20T4-TKĐ1	6,67		Trung bình			
59	20000650	Nguyễn Anh	Tấn	Nam	28/10/2005	20T4-TKĐ1	6,89		Trung bình			
60	20000225	Vũ Minh	Khoa	Nam	30/06/2005	20T4-TKĐ3	6,33		Trung bình			
61	19000428	Nguyễn Trần Hoàng Công	Danh	Nam	22/09/2004	20T4-TKW1	6,19		Trung bình			
62	20003026	Hoàng Minh	Đăng	Nam	27/11/2004	20T4-VSL1	6,69		Trung bình		TOEIC 300	
63	20000710	Võ Trần Văn	Giác	Nam	06/01/2005	20T4-VSL1	6,38		Trung bình			
64	21004392	Nguyễn Ngọc	Thiện	Nam	24/08/2001	21T2-ĐCN1	5,87		Trung bình		TOEIC 300	
65	21000409	Vũ Thái Lâm	Son	Nam	09/12/2006	21T4-ANM1	7,27		Khá			
66	21002053	Trương Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	29/07/2006	21T4-CCK1	6,61		Trung bình	X	TOEIC 300	
67	21004244	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	21/10/2006	21T4-CCK1	7,06		Khá		TOEIC 300	
68	21002607	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	07/05/2006	21T4-CĐT1	6,30		Trung bình			
69	21000037	Lương Gia	Toàn	Nam	29/06/2006	21T4-CĐT1	5,66		Trung bình			
70	21000470	Nguyễn Trọng	Hữu	Nam	17/06/2005	21T4-CKC1	5,97		Trung bình			
71	21002422	Võ Nguyễn Quốc	Thái	Nam	02/11/2006	21T4-CKC1	6,51		Trung bình		TOEIC 350	
72	21002597	Đỗ Lê Anh	Tuấn	Nam	24/03/2006	21T4-CKC1	6,30		Trung bình		TOEIC 350	



STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC TL hệ 10	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
										Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2	
73	21000630	Lưu Quang	Tuấn	Nam	10/01/2006	21T4-CKC1	6,66		Trung bình		TOEIC 350	
74	21002334	Vương Anh	Tuấn	Nam	18/10/2006	21T4-CKC1	6,77		Trung bình	X	TOEIC 350	
75	21002949	Phạm Đức	Hòa	Nam	04/10/2006	21T4-CMT1	5,98		Trung bình			
76	21002955	Nguyễn Văn	Khang	Nam	07/05/2006	21T4-CMT1	6,55		Trung bình			
77	21004710	Phạm Thị	Ngọc	Nữ	09/02/2001	21T4-CNM1	8,37		Khá	X	TOEIC 300	Sinh viên bị hạ bậc tốt nghiệp (Thi lại môn Giáo dục chính trị)
78	21000255	Nguyễn Bình	An	Nam	03/04/2006	21T4-CNÔ1	6,81		Trung bình			
79	21000020	Lê Thanh	Hiếu	Nam	27/05/2005	21T4-CNÔ1	6,65		Trung bình			
80	21000026	Lê Thành	Long	Nam	11/11/2006	21T4-CNÔ1	5,77		Trung bình			
81	21000067	Trần Đức	Thịnh	Nam	30/11/2006	21T4-CNÔ1	6,17		Trung bình			
82	21001822	Trương Huỳnh Tuấn	Anh	Nam	14/03/2005	21T4-CNÔ2	5,84		Trung bình			
83	21000481	Nguyễn Hồng	Khang	Nam	08/08/2006	21T4-CNÔ2	5,79		Trung bình			
84	20000059	Nguyễn Võ An	Khang	Nam	30/09/2005	21T4-CNÔ2	6,57		Trung bình	X	TOEIC 300	
85	21000299	Hà Huỳnh Tuấn	Khoa	Nam	05/11/2006	21T4-CNÔ2	6,01		Trung bình			
86	21000526	Trần Đăng	Khôi	Nam	04/07/2006	21T4-CNÔ2	5,95		Trung bình			
87	21002199	Phạm Ngọc	Kim	Nam	27/02/2005	21T4-CNÔ3	6,32		Trung bình		TOEIC 300	
88	21001583	Phạm Đại	Thiên	Nam	14/05/2004	21T4-CNÔ3	5,77		Trung bình	X		
89	21002891	Xôi Trường	Tín	Nam	08/09/2006	21T4-CNÔ3	5,71		Trung bình			
90	21002602	Lê Chí	Vĩnh	Nam	12/09/2006	21T4-ĐĐT1	6,41		Trung bình			
91	21000647	Trần Ngọc Minh	Thư	Nữ	16/07/2006	21T4-ĐHĐ1	7,09		Khá		TOEIC 350	
92	21003310	Bùi Ngọc Như	Ý	Nữ	13/10/2006	21T4-ĐHĐ1	7,15		Khá		TOEIC 350	
93	21002443	Nguyễn Đào Thuý	An	Nữ	17/09/2006	21T4-KLB1	6,39		Trung bình			
94	21003296	Nguyễn Hữu Gia	Bảo	Nam	20/05/2006	21T4-KLB1	6,33	2,24	Trung bình			
95	21002943	Trần Ngọc Bảo	Châu	Nữ	16/11/2006	21T4-KLB1	6,67		Trung bình		TOEIC 300	
96	21004284	Huỳnh Tấn	Hải	Nam	18/07/2004	21T4-KLB1	6,17		Trung bình			
97	21002906	Đỗ Hoàng	Nam	Nam	07/02/2006	21T4-KLB1	8,29		Giỏi			

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC TL hệ 10	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
										Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2	
98	21002222	Trương Trần Thanh	Tâm	Nữ	01/11/2006	21T4-KLB1	6,47		Trung bình	X	TOEIC 300	
99	21003166	Trần Phạm Khánh	Đăng	Nam	09/11/2006	21T4-KML1	5,93		Trung bình	X		
100	21002378	Hồ Ngọc Trung	Kiên	Nam	17/08/2006	21T4-KML1	6,19		Trung bình			
101	21001928	Nguyễn Đức	Tuấn	Nam	08/11/2006	21T4-KML1	6,56		Trung bình			
102	21002055	Nguyễn Quang	Đông	Nam	19/07/2005	21T4-KXD1	6,16		Trung bình	X	TOEIC 350	
103	21003470	Trần Dương Thiên	Bảo	Nam	29/06/2005	21T4-LTM1	6,88		Trung bình		TOEIC 350	
104	21000091	Trần Thái	Hung	Nam	16/05/2005	21T4-LTM1	5,88		Trung bình		TOEIC 350	
105	21002032	Nguyễn Hoàng Anh	Nguyên	Nam	08/06/2006	21T4-LTM1	6,00		Trung bình			
106	21004722	Trần Minh	Nhật	Nam	20/05/2004	21T4-LTM1	6,67		Trung bình		TOEIC 300	
107	21002080	Nguyễn Đức	Sang	Nam	01/12/2006	21T4-LTM1	5,92		Trung bình		TOEIC 350	
108	21001943	Huỳnh Nguyễn Quang	Trung	Nam	26/08/2006	21T4-LTM1	7,02		Khá		TOEIC 300	
109	21002685	Lê Thị Kim	Mai	Nữ	18/09/2006	21T4-NHQ1	7,60		Khá			
110	21001999	Nguyễn Tam	Huy	Nam	10/05/2006	21T4-NNA1	7,03		Khá			
111	21001938	Nguyễn Song Bảo	Ngọc	Nữ	05/01/2006	21T4-NNA1	7,17		Khá	X		
112	21000672	Nguyễn Phương	Thùy	Nữ	11/03/2006	21T4-NNA1	6,43		Trung bình			
113	21002642	Trần Thị Ngọc	Ánh	Nữ	09/11/2006	21T4-QKS1	6,43		Trung bình		TOEIC 300	
114	21000369	Phù Thi	Chi	Nữ	08/10/2005	21T4-QKS1	6,45		Trung bình			
115	21000320	Nguyễn Phát Tài	Lộc	Nam	03/05/2006	21T4-QKS1	6,92		Trung bình	X	TOEIC 300	
116	21002784	Lê Anh	Tuấn	Nam	10/09/2006	21T4-QKS1	7,23		Khá			
117	21002474	Ngô Dương Tường	Vi	Nữ	06/11/2006	21T4-QKS1	6,81		Trung bình			
118	21000947	Lê Đoàn Nhật	Khánh	Nữ	26/04/2006	21T4-QTD1	6,35		Trung bình			
119	21000377	Trần Phương	Nhu	Nữ	19/09/2003	21T4-QTD1	7,07		Khá	X	TOEIC 300	
120	21000337	Nguyễn Nhật	Tài	Nam	27/08/2006	21T4-QTD1	6,32		Trung bình	X		
121	21002848	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	Nữ	05/08/2005	21T4-QTD1	5,98		Trung bình			
122	21003094	Nguyễn Ngọc Thúy	Vy	Nữ	11/04/2006	21T4-QTD1	5,82		Trung bình			
123	20002821	Tạ Minh	Hải	Nam	25/07/2004	21T4-TCĐ1	8,74		Giỏi			Thi lại 3 môn TNVH

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC TL hệ 10	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
										Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2	
124	21001958	Nguyễn Ngọc	Son	Nam	03/09/2006	21T4-TĐH1	5,92		Trung bình			
125	21000034	Lê Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	15/02/2006	21T4-TĐH1	5,64		Trung bình	X	TOEIC 350	
126	21000661	Huỳnh Thị Thu	Dung	Nữ	13/10/2006	21T4-THU1	5,94		Trung bình			
127	21001959	Ngô Đình Hải	Đăng	Nam	01/06/2006	21T4-TKĐ1	6,31		Trung bình			
128	21004211	Võ Nguyễn Mạnh	Dũng	Nam	15/02/2006	21T4-TKĐ1	6,74		Trung bình		TOEIC 300	
129	21004405	Lê Nguyễn Phương	Khanh	Nữ	21/06/2006	21T4-TKĐ1	7,40		Khá		TOEIC 300	
130	21001952	Phạm Chánh	Hào	Nam	03/09/2006	21T4-TKĐ2	6,78		Trung bình			
131	21002426	Võ Anh	Quốc	Nam	14/05/2006	21T4-TKĐ2	6,68		Trung bình			
132	21002465	Huỳnh Trung	Tín	Nam	07/03/2006	21T4-TKĐ2	6,44		Trung bình			
133	21002744	Phạm Lưu Quế	Trần	Nữ	10/12/2006	21T4-TKĐ2	6,81		Trung bình		TOEIC 300	
134	21002186	Nguyễn Đức	Thiện	Nam	03/10/2006	21T4-TKW1	7,03		Khá		TOEIC 350	
135	21003668	Lê Trần	Tâm	Nam	23/12/2006	21T4-TMĐ1	6,17		Trung bình			
136	21002159	Cao Phúc	Bảo	Nam	13/06/2006	21T4-VSL1	6,41		Trung bình	X		
137	21001969	Phạm Gia	Huy	Nam	16/09/2006	21T4-VSL1	6,30		Trung bình			
138	22002409	Nguyễn Thiện	Toàn	Nam	19/06/2003	22T2-CNÔ1		2,65	Khá	X		
139	22002895	Nguyễn Đan	Huy	Nam	12/03/2004	22T2-NNA1		2,08	Trung bình	X		
140	22004408	Phạm Ngọc Phương	Trâm	Nữ	07/11/2004	22T2-NNA1		2,04	Trung bình			

Tổng cộng danh sách có **140** sinh viên.

* Loại **GIỎI** : 03 SV # 2,14 %
 * Loại **KHÁ** : 21 SV # 15,00 %
 * Loại **TRUNG BÌNH** : 116 SV # 82,86 %

Trong đó: Đã có CC Anh văn/Ngoại ngữ 2 : 55
 Đã có CC Tin học : 31 (không tính SV thuộc khoa CNTT)

